



Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập Quyết định số 105/2004/QĐ-BCN do Bộ Công Thương ban hành ngày 5 tháng 10 năm 2004.

Giấy chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0100101308 ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là lần thứ 16 vào ngày 17 tháng 10 năm 2023. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch
	Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Chủ tịch
	Ông Thân Đức Việt	Thành viên
	Ông Bạch Thăng Long	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Thân Đức Việt	Tổng Giám đốc
	Ông Bạch Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ánh Dương	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Bích Hồng	Phó Tổng Giám đốc
		(từ ngày 18/10/2023)
		Giám đốc điều hành
		(đến ngày 17/10/2023)
	Ông Hoàng Thế Nhu	Phó Tổng Giám đốc
		(từ ngày 18/10/2023)
	Giám đốc điều hành	
	(đến ngày 17/10/2023)	
	Ông Hà Mạnh	Giám đốc điều hành
	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Giám đốc điều hành

Trụ sở đăng ký Số 765, Đường Nguyễn Văn Linh
Phường Sài Đồng
Quận Long Biên, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 

Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

~~Báo cáo~~ kiểm toán số: 23-02-00272-24-2



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2024

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2024-007-1

STY
O
TY
N
P.HÀ

TY
O
TY
N
P.HÀ

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.781.338.762.540	1.734.181.012.983
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	152.062.411.416	285.029.490.479
Tiền	111		101.187.490.510	278.929.490.479
Các khoản tương đương tiền	112		50.874.920.906	6.100.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		302.163.000.000	102.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	302.163.000.000	102.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		530.464.134.762	450.095.995.216
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	505.378.641.038	407.353.287.298
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.625.389.013	4.624.311.946
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	19.460.104.711	38.118.395.972
Hàng tồn kho	140	9	746.547.872.094	822.906.087.850
Hàng tồn kho	141		753.751.027.815	829.482.427.179
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.203.155.721)	(6.576.339.329)
Tài sản ngắn hạn khác	150		50.101.344.268	74.149.439.438
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.788.484.665	5.454.481.791
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		41.817.760.541	68.462.143.737
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	2.495.099.062	232.813.910

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		508.347.256.987	562.577.434.183
Các khoản phải thu dài hạn	210		15.394.680.697	8.268.834.652
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	15.394.680.697	8.268.834.652
Tài sản cố định	220		450.384.759.806	501.817.069.589
Tài sản cố định hữu hình	221	10	448.167.855.298	497.600.363.536
Nguyên giá	222		1.712.803.962.267	1.681.626.581.142
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.264.636.106.969)	(1.184.026.217.606)
Tài sản cố định vô hình	227	11	2.216.904.508	4.216.706.053
Nguyên giá	228		15.941.763.483	14.644.763.483
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.724.858.975)	(10.428.057.430)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.368.470.076	581.252.126
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.368.470.076	581.252.126
Tài sản dài hạn khác	260		41.199.346.408	51.910.277.816
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	41.199.346.408	51.910.277.816
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.289.686.019.527	2.296.758.447.166

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.755.212.538.493	1.806.561.827.507
Nợ ngắn hạn	310		1.599.371.245.032	1.609.990.612.816
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	569.466.284.949	601.822.024.126
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15(a)	13.684.079.894	31.415.592.980
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	9.646.189.280	14.611.070.101
Phải trả người lao động	314		349.832.833.214	367.021.927.495
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		101.571.690	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		15.277.776	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	19.925.689.437	5.875.491.544
Vay ngắn hạn	320	18(a)	566.937.830.343	538.602.682.309
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	69.761.488.449	50.641.824.261
Nợ dài hạn	330		155.841.293.461	196.571.214.691
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	15(b)	9.284.980.506	18.326.300.636
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	12.315.104.850	12.121.011.000
Vay dài hạn	338	18(b)	129.021.179.560	159.612.882.057
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		5.220.028.545	6.511.020.998
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		534.473.481.034	490.196.619.659
Vốn chủ sở hữu	410	20	534.473.481.034	490.196.619.659
Vốn cổ phần	411	21	317.510.000.000	302.400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		317.510.000.000	302.400.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		5.382.400.000	-
Cổ phiếu quỹ	415		(2.440.000)	(2.440.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	105.097.319.147	56.037.285.643
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		105.783.842.357	131.059.414.486
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.569.755.081	7.210.212.489
- Lợi nhuận năm nay	421b		103.214.087.276	123.849.201.997
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		702.359.530	702.359.530
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.289.686.019.527	2.296.758.447.166

Ngày 20 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Trần Thanh Bình
Kế toán trưởng

Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	4.139.737.619.391	4.548.703.932.979
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	619.598.756	479.197.809
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	4.139.118.020.635	4.548.224.735.170
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	3.702.490.728.689	4.052.773.643.820
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		436.627.291.946	495.451.091.350
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	114.051.452.578	120.427.209.948
Chi phí tài chính	22	29	93.624.432.622	109.565.765.831
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		32.387.670.887	19.100.401.123
Chi phí bán hàng	25	30	159.143.994.120	158.093.185.098
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	177.892.829.166	199.491.519.211
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		120.017.488.616	148.727.831.158
Thu nhập khác	31	32	4.152.984.048	3.554.069.039
Chi phí khác	32		737.149.887	2.036.360.507
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.415.834.161	1.517.708.532
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		123.433.322.777	150.245.539.690
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	20.219.235.501	26.405.602.304
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		103.214.087.276	123.839.937.386
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		103.214.087.276	123.839.937.386
Cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi trên cổ phiếu				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	2.828	3.269

Ngày 20 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Nguyễn Thị Thu Hà
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Trần Thanh Bình
 Kế toán trưởng

Thân Đức Việt
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		123.433.322.777	150.245.539.690
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		91.369.011.936	85.745.563.400
Các khoản dự phòng	03		626.816.392	(9.211.760.400)
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		7.511.865.468	(7.430.406.507)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(23.191.819.074)	(3.781.512.134)
Chi phí lãi vay	06		32.387.670.887	19.100.401.123
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		232.136.868.386	234.667.825.172
Biến động các khoản phải thu	09		(60.243.381.293)	44.772.067.228
Biến động hàng tồn kho	10		75.731.399.364	34.000.428.161
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(17.819.284.850)	(18.802.367.317)
Biến động chi phí trả trước	12		10.252.157.102	(6.448.793.457)
			240.057.758.709	288.189.159.787
Tiền lãi vay đã trả	14		(32.488.917.482)	(18.788.308.127)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(25.639.242.871)	(20.707.990.430)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.878.400.913)	(8.286.013.076)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		176.051.197.443	240.406.848.154
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(84.511.485.778)	(218.062.481.580)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		720.976.182	-
Tiền chi cho vay, tiền gửi có kỳ hạn	23		(576.248.000.000)	(152.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		376.085.000.000	115.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		18.066.208.358	1.962.747.684
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(265.887.301.238)	(253.099.733.896)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		20.492.400.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		1.062.845.248.400	1.662.461.520.013
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.072.310.272.527)	(1.378.987.202.958)
Tiền trả cổ tức	36		(54.366.471.360)	(30.259.591.112)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(43.339.095.487)	253.214.725.943
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(133.175.199.282)	240.521.840.201
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		285.029.490.479	38.116.860.811
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		208.120.219	6.390.789.467
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	152.062.411.416	285.029.490.479

Ngày 20 tháng 3 năm 2024

Người lập:

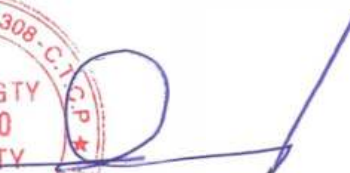


Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thanh Bình
Kế toán trưởng

Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- sản xuất quần áo và các phụ liệu của ngành may mặc;
- kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- kinh doanh bất động sản, văn phòng và nhà cho công nhân thuê;
- đào tạo nghề;
- cung cấp chương trình giáo dục mầm non và chăm sóc nuôi dạy trẻ;
- xuất nhập khẩu trực tiếp;
- sản xuất và kinh doanh các loại nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu và hóa chất cho ngành may mặc;
- kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng thuộc lĩnh vực siêu thị; và
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 2 công ty con (1/1/2023: 2 công ty con).

Tên công ty con	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế	
			31/12/2023	1/1/2023
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thời trang May 10	Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc	100%	100%
Công ty TNHH May Phù Đồng (*)	Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc	60,97%	60,97%

- (*) Trong năm 2022, Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH May Phù Đồng đã họp và thống nhất chuẩn bị các hồ sơ thủ tục để giải thể công ty này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, công ty này đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty và các công ty con có 7.201 nhân viên (1/1/2023: 7.290 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 39 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm
▪ thiết bị quản lý	1,5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 8 năm.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 36 tháng.

(ii) Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng

Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản

Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng từ 18 tháng đến 36 tháng.

(iv) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí bảo hiểm, chi phí thuê cửa hàng và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng từ 14 tháng đến 36 tháng.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty hoặc công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần giá phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và trong năm kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động trong một bộ phận phân chia theo hoạt động kinh doanh duy nhất đó là sản xuất, gia công và kinh doanh các mặt hàng dệt may. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty và các công ty con được lập theo vùng địa lý dựa trên vị trí của khách hàng do địa điểm sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Báo cáo bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tổng Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Châu Á
- Châu Âu
- Châu Mỹ
- Việt Nam
- Các vùng khác

Năm kết thúc ngày 31/12/2023	Châu Á (không bao gồm Việt Nam) VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	249.110.351.207	829.152.581.396	2.575.530.932.595	423.556.187.731	61.767.967.706	4.139.118.020.635
Kết quả kinh doanh của bộ phận	27.915.036.693	65.354.649.519	253.019.953.162	82.909.881.795	7.427.770.777	436.627.291.946
Thu nhập không phân bổ Chi phí không phân bổ						114.051.452.578 (430.661.255.908)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh						120.017.488.616
Thu nhập khác Chi phí khác Chi phí thuế TNDN hiện hành						4.152.984.048 (737.149.887) (20.219.235.501)
Lợi nhuận thuần sau thuế						103.214.087.276

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Năm kết thúc ngày 31/12/2022	Châu Á (không bao gồm Việt Nam) VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	320.135.937.810	921.098.543.390	2.881.729.200.120	372.039.768.207	53.221.285.643	4.548.224.735.170
Kết quả kinh doanh của bộ phận	30.954.568.008	65.044.888.630	289.909.320.287	114.297.381.063	(4.755.066.638)	495.451.091.350
Thu nhập không phân bổ						120.427.209.948
Chi phí không phân bổ						(467.150.470.140)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh						148.727.831.158
Thu nhập khác						3.554.069.039
Chi phí khác						(2.036.360.507)
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(26.405.602.304)
Lợi nhuận thuần sau thuế						123.839.937.386

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31/12/2023	Châu Á (không bao gồm Việt Nam) VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	14.812.967.425	80.651.709.582	351.640.529.566	53.870.302.522	4.403.131.943	505.378.641.038
Tài sản không phân bổ						1.784.307.378.489
Tổng tài sản						2.289.686.019.527
Nợ phải trả của bộ phận	57.725.216	2.929.462.619	16.388.868.170	1.608.835.426	1.984.168.969	22.969.060.400
Nợ phải trả không phân bổ						1.732.243.478.093
Tổng nợ phải trả						1.755.212.538.493
Năm kết thúc ngày 31/12/2023						
Chi tiêu vốn						84.511.485.778
Khấu hao tài sản cố định hữu hình						89.635.431.412
Khấu hao tài sản cố định vô hình						3.024.572.977

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1/1/2023	Châu Á (không bao gồm Việt Nam) VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	14.356.580.167	50.780.218.896	296.533.959.486	42.016.365.272	3.666.163.477	407.353.287.298
Tài sản không phân bổ						1.889.405.159.868
Tổng tài sản						2.296.758.447.166
Nợ phải trả của bộ phận	3.799.674.335	1.482.977.767	37.978.224.962	3.665.352.772	2.815.663.780	49.741.893.616
Nợ phải trả không phân bổ						1.756.819.933.891
Tổng nợ phải trả						1.806.561.827.507
Năm kết thúc ngày 31/12/2022						
Chi tiêu vốn						218.062.481.580
Khấu hao tài sản cố định hữu hình						84.964.418.023
Khấu hao tài sản cố định vô hình						1.386.109.764

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	1.936.966.942	1.318.626.616
Tiền gửi ngân hàng	99.250.523.568	277.610.863.863
Các khoản tương đương tiền (*)	50.874.920.906	6.100.000.000
	152.062.411.416	285.029.490.479

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 đến 2 tháng và được hưởng lãi suất từ 1,6% đến 3,35% (1/1/2023: 3% đến 6%) một năm.

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại các ngân hàng thương mại. Các khoản tiền gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5% đến 9% (1/1/2023: 6,5% đến 7,8%) một năm.

7. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Lever Style Limited	110.155.244.853	118.181.497.770
Direct Source (Far East) Limited	72.549.257.590	47.272.380.687
Asmara International Limited	53.978.678.498	24.528.265.626
Li & Fung	51.582.325.380	50.628.920.513
Pacificways Limited	16.995.260.900	37.158.106.345
Các khách hàng khác	200.117.873.817	129.584.116.357
	505.378.641.038	407.353.287.298

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.423.022.284	2.506.739.058

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu của Công ty TNHH H.N.P từ tiền khách hàng ứng trước (*)	3.538.002.432	16.237.528.835
Phải thu của Công ty TNHH Thiệu Đô từ tiền khách hàng ứng trước (**)	5.253.534.739	13.078.782.475
Kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng trừ dần vào tiền thuê đất (***)	351.836.641	3.633.634.000
Tạm ứng cho nhân viên	45.029.998	97.117.000
Lãi tiền gửi phải thu	6.995.178.971	2.510.443.836
Phải thu ngắn hạn khác	3.276.521.930	2.560.889.826
	19.460.104.711	38.118.395.972

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Đặt cọc dài hạn	3.053.252.357	4.175.851.950
Phải thu của Công ty TNHH H.N.P từ tiền khách hàng ứng trước (*)	8.418.414.368	2.781.780.803
Kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng trừ dần vào tiền thuê đất (***)	1.741.427.088	-
Phải thu dài hạn khác	2.181.586.884	1.311.201.899
	15.394.680.697	8.268.834.652

(*) Theo thỏa thuận, một số khách hàng nước ngoài ứng trước tiền gia công cho Công ty TNHH H.N.P thông qua Tổng Công ty để thực hiện dự án đầu tư thiết bị sản xuất các đơn hàng cho khách hàng nước ngoài đó tại Công ty TNHH H.N.P. Số tiền khách hàng ứng trước được trừ dần vào phí gia công của sản phẩm sản xuất tại Công ty TNHH H.N.P.

(**) Theo thỏa thuận, một số khách hàng nước ngoài ứng trước tiền gia công cho Công ty TNHH Thiệu Đô thông qua Tổng Công ty để thực hiện dự án đầu tư thiết bị sản xuất các đơn hàng cho khách hàng nước ngoài đó tại Công ty TNHH Thiệu Đô. Số tiền khách hàng ứng trước được trừ dần vào phí gia công của sản phẩm sản xuất tại Công ty TNHH Thiệu Đô.

(***) Đây là khoản bồi thường giải phóng mặt bằng trả thay cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thanh Hóa liên quan đến Dự án mở rộng Xí Nghiệp May Bím Sơn. Khoản này sẽ được bù trừ với tiền thuê đất trong tương lai.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	54.967.180.438	-	60.633.171.672	-
Nguyên vật liệu	284.512.947.656	-	391.954.310.380	-
Công cụ và dụng cụ	757.589.018	-	177.855.785	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	90.020.477.084	-	110.198.132.523	-
Thành phẩm	237.943.204.469	(7.203.155.721)	211.069.080.568	(6.431.569.379)
Hàng hóa	18.822.431.795	-	17.804.029.554	(144.769.950)
Hàng gửi đi bán	66.727.197.355	-	37.645.846.697	-
	753.751.027.815	(7.203.155.721)	829.482.427.179	(6.576.339.329)

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	520.343.921.347	915.140.349.342	55.581.271.548	190.561.038.905	1.681.626.581.142
Tăng trong năm	953.915.546	33.979.906.505	4.403.275.858	945.925.866	40.283.023.775
Thanh lý	-	(8.583.152.022)	-	(522.490.628)	(9.105.642.650)
Số dư cuối năm	521.297.836.893	940.537.103.825	59.984.547.406	190.984.474.143	1.712.803.962.267
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	251.059.435.694	781.721.997.769	39.598.319.172	111.646.464.971	1.184.026.217.606
Khấu hao trong năm	22.460.483.176	45.600.787.354	4.108.028.164	17.466.132.718	89.635.431.412
Thanh lý	-	(8.503.051.421)	-	(522.490.628)	(9.025.542.049)
Số dư cuối năm	273.519.918.870	818.819.733.702	43.706.347.336	128.590.107.061	1.264.636.106.969
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	269.284.485.653	133.418.351.573	15.982.952.376	78.914.573.934	497.600.363.536
Số dư cuối năm	247.777.918.023	121.717.370.123	16.278.200.070	62.394.367.082	448.167.855.298

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 961.225 triệu VND (1/1/2023: 911.634 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 232.242 triệu VND (1/1/2023: 280.551 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 18(b)).

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	12.256.765.835	2.387.997.648	14.644.763.483
Tăng trong năm	900.000.000	-	900.000.000
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	397.000.000	-	397.000.000
Số dư cuối năm	13.553.765.835	2.387.997.648	15.941.763.483
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	8.040.059.782	2.387.997.648	10.428.057.430
Khấu hao trong năm	3.024.572.977	-	3.024.572.977
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	272.228.568	-	272.228.568
Số dư cuối năm	11.336.861.327	2.387.997.648	13.724.858.975
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	4.216.706.053	-	4.216.706.053
Số dư cuối năm	2.216.904.508	-	2.216.904.508

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 9.482 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 5.645 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	581.252.126	71.258.211.472
Tăng trong năm	787.217.950	111.831.166.203
Lãi vay vốn hóa	-	3.949.218.432
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(166.006.153.053)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(20.451.190.928)
Số dư cuối năm	1.368.470.076	581.252.126

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Dự án đầu tư xây dựng mới xí nghiệp may Thái Hà tại Tỉnh Thái Bình	428.127.403	-
Công trình xây dựng trường mầm non tại Tổng Công ty Đất và tài sản gắn liền với đất mua từ Trung tâm bán đấu giá tài sản Tỉnh Nam Định	195.656.481	195.656.481
Dự án khác	192.192.868	192.192.868
	552.493.324	193.402.777
	1.368.470.076	581.252.126

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	15.990.268.743	2.785.913.412	14.460.228.710	18.673.866.951	51.910.277.816
Tăng trong năm	3.778.707.983	-	7.235.208.361	3.472.128.120	14.486.044.464
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	(124.771.432)	-	-	-	(124.771.432)
Phân bổ trong năm	(6.247.620.479)	(114.098.844)	(8.077.217.264)	(10.633.267.853)	(25.072.204.440)
Số dư cuối năm	13.396.584.815	2.671.814.568	13.618.219.807	11.512.727.218	41.199.346.408

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Topsun Garment Limited	211.518.697.368	187.488.925.702
Oktava Co., Ltd	40.924.822.261	37.773.537.080
Allied Global Corporation Limited	34.928.510.127	-
Oemec Garment Manufacturing Co., Ltd	6.418.141.078	39.353.887.765
Các nhà cung cấp khác	275.676.114.115	337.205.673.579
	569.466.284.949	601.822.024.126

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	129.600.000	-

Khoản phải trả thương mại đối với công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

15. Người mua trả tiền trước

(a) Ngắn hạn

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Bên khác		
Lever Style Limited	7.067.295.981	6.257.426.770
Suzhou Fortune Import&Export Co., Ltd	2.335.776.413	8.788.012.378
Dewhirst Group Limited	1.618.351.163	7.414.888.833
Các khách hàng khác	2.662.656.337	8.955.264.999
	13.684.079.894	31.415.592.980

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Dài hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Bên khác		
Lever Style Limited	9.284.980.506	15.561.750.000
Jensmart International Limited	-	2.764.550.636
	9.284.980.506	18.326.300.636

16. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.115.820.368	36.284.404.081	(36.186.738.929)	1.213.485.520
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.881.596.734	20.219.235.501	(25.639.242.871)	7.461.589.364
Thuế thu nhập cá nhân	274.302.102	6.751.555.560	(6.511.766.583)	514.091.079
Thuế nhà thầu	272.651.144	874.609.947	(716.919.044)	430.342.047
Thuế xuất nhập khẩu	66.699.753	8.912.174.682	(8.952.193.165)	26.681.270
Thuế đất	(232.813.910)	9.490.443.525	(11.752.728.677)	(2.495.099.062)
Các loại thuế khác	-	119.710.130	(119.710.130)	-
	14.378.256.191	82.652.133.426	(89.879.299.399)	7.151.090.218
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải thu	(232.813.910)			(2.495.099.062)
Thuế phải nộp	14.611.070.101			9.646.189.280

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.893.627.492	2.108.831.934
Cổ tức phải trả	508.385.533	443.296.093
Lãi vay phải trả	416.674.256	517.920.851
Tiền bồi thường nhận được cho việc di dời		
Xí nghiệp may Thái Hà (*)	14.526.115.387	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.580.886.769	2.805.442.666
	19.925.689.437	5.875.491.544

- (*) Đây là khoản tiền bồi thường, hỗ trợ tạm tính đối với tài sản trên đất mà Tổng Công ty May 10 nhận được từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Thái Bình cho việc thực hiện Đề án di chuyển cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc địa bàn Thành phố Thái Bình để phát triển đô thị. Ngày 1 tháng 2 năm 2024, Tổng Công ty có công văn 84/CV-TCTy gửi Ủy ban Nhân dân Thành phố Thái Bình về việc đề nghị phê duyệt số tiền bồi thường phát sinh và gia hạn thời gian di dời đến hết tháng 12 năm 2024. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và Ủy ban Nhân dân Thành phố Thái Bình chưa thống nhất được phương án bồi thường, hỗ trợ và thời điểm bàn giao lại mặt bằng cho Thành phố Thái Bình.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Đặt cọc dài hạn	2.315.104.850	2.101.596.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	-	19.415.000
	12.315.104.850	12.121.011.000

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2023		Biến động trong năm		31/12/2023
	Giá trị ghi sổ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ VND
Vay ngắn hạn	472.318.650.959	1.026.021.713.045	(1.000.479.852.203)	6.460.469.664	504.320.981.465
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18(b))	66.284.031.350	68.163.237.852	(71.830.420.324)	-	62.616.848.878
	538.602.682.309	1.094.184.950.897	(1.072.310.272.527)	6.460.469.664	566.937.830.343

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ các khoản vay này khi đến hạn.

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Khoản vay ngân hàng 1	USD	263.441.834.236	369.335.066.681
Khoản vay ngân hàng 2	USD	99.319.994.453	102.983.584.278
Khoản vay ngân hàng 3	VND	141.559.152.776	-
		504.320.981.465	472.318.650.959

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Khoản vay ngân hàng 4	VND	2024 - 2028	156.852.021.819	172.386.319.623
Khoản vay ngân hàng 5	VND	2024 - 2027	32.316.006.619	39.042.426.868
Khoản vay ngân hàng 6	USD	2022 - 2023	-	12.393.166.916
Vay cá nhân	VND	2024 - 2028	2.470.000.000	2.075.000.000
			191.638.028.438	225.896.913.407
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			(62.616.848.878)	(66.284.031.350)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng			129.021.179.560	159.612.882.057

Các khoản vay ngân hàng có lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 232.242 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 280.551 triệu VND) (Thuyết minh 10).

Vay cá nhân thể hiện các khoản vay từ cán bộ công nhân viên Tổng công ty từ tiền thưởng phải trả hàng năm. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng vay cụ thể.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty và Ban lãnh đạo của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	50.641.824.261	37.999.322.655
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	24.998.065.101	19.011.289.652
Sử dụng trong năm	(5.878.400.913)	(6.368.788.046)
Số dư cuối năm	69.761.488.449	50.641.824.261

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2022	302.400.000.000	-	(2.440.000)	33.055.319.147	79.443.224.637	702.359.530	415.598.463.314
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	123.839.937.386	-	123.839.937.386
Phân bổ vào quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	22.981.966.496	(22.981.966.496)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(19.011.289.652)	-	(19.011.289.652)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(30.239.756.000)	-	(30.239.756.000)
Biến động khác	-	-	-	-	9.264.611	-	9.264.611
Số dư tại ngày 1/1/2023	302.400.000.000	-	(2.440.000)	56.037.285.643	131.059.414.486	702.359.530	490.196.619.659
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	103.214.087.276	-	103.214.087.276
Phát hành cổ phiếu mới	15.110.000.000	5.382.400.000	-	-	-	-	20.492.400.000
Phân bổ vào quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	49.536.000.000	(49.536.000.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(24.998.065.101)	-	(24.998.065.101)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(54.431.560.800)	-	(54.431.560.800)
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(475.966.496)	475.966.496	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	317.510.000.000	5.382.400.000	(2.440.000)	105.097.319.147	105.783.842.357	702.359.530	534.473.481.034

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	31.751.000	317.510.000.000	30.240.000	302.400.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	31.751.000	317.510.000.000	30.240.000	302.400.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(244)	(2.440.000)	(244)	(2.440.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	31.750.756	317.507.560.000	30.239.756	302.397.560.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2023		2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	30.239.756	302.397.560.000	30.239.756	302.397.560.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền (Thuyết minh 22)	1.511.000	15.110.000.000	-	-
Số dư cuối năm	31.750.756	317.507.560.000	30.239.756	302.397.560.000

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	31/12/2023			1/1/2023		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	10.227.398	102.273.980.000	32,21	10.227.398	102.273.980.000	33,82
Các cổ đông khác	21.523.358	215.233.580.000	67,79	20.012.358	200.123.580.000	66,18
	31.750.756	317.507.560.000	100	30.239.756	302.397.560.000	100

22. Chương trình về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Theo Nghị quyết số 298/NQ-ĐHĐCĐ2023 ngày 15 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với số cổ phiếu dự kiến phát hành là 1.511.000 cổ phiếu và giá phát hành là 13.600 VND/cổ phiếu.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua kết quả của đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với số cổ phiếu đã phân phối là 1.511.000 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành theo Nghị quyết số 872/NQ-HĐQT.

23. Cổ tức

Ngày 15 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2022 với số tiền là 54.432 triệu VND (2022: 30.240 triệu VND).

24. Quỹ đầu tư phát triển

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 15 tháng 4 năm 2023, Tổng Công ty và các công ty con đã trích lập 49.536 triệu VND (2022: 22.982 triệu VND) từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2022 vào quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công**

	Đơn vị	31/12/2023	1/1/2023
Vải nhận gia công	Mét	1.836.538	5.847.327
Dụng nhận gia công	Mét	832.154	2.435.629
Vật tư, hàng hóa khác nhận gia công	Mét	5.191	373.698
		<u>2.673.883</u>	<u>8.656.654</u>

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	2.880.502	69.362.481.660	11.126.982	260.477.944.685
Euro (“EUR”)	1.560	41.141.653	4.447	109.925.216
		<u>69.403.623.313</u>		<u>260.587.869.901</u>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	<u>187.210.579.500</u>	<u>57.515.892.500</u>

(d) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	8.190.926.235	8.190.926.235
Trong vòng hai đến năm năm	32.545.078.245	32.624.026.774
Sau năm năm	63.341.252.033	71.459.302.703
	104.077.256.513	112.274.255.712

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2023 VND	2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	3.782.114.629.342	4.125.741.965.768
▪ Cung cấp dịch vụ	31.128.991.636	24.257.296.051
▪ Gia công	326.493.998.413	398.704.671.160
	4.139.737.619.391	4.548.703.932.979
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(619.598.756)	(479.197.809)
	4.139.118.020.635	4.548.224.735.170

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2023 VND	2022 VND
Hàng hóa và thành phẩm đã bán	3.371.951.043.968	3.682.679.246.689
Dịch vụ đã cung ứng	13.733.641.331	2.795.844.557
Dịch vụ gia công	316.179.226.998	375.502.119.434
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	626.816.392	(8.203.566.860)
	3.702.490.728.689	4.052.773.643.820

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	22.550.943.493	3.905.999.739
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	90.976.581.823	107.899.210.079
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	7.430.406.507
Doanh thu hoạt động tài chính khác	523.927.262	1.191.593.623
	114.051.452.578	120.427.209.948

29. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	32.387.670.887	19.100.401.123
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.720.060.540	88.380.892.620
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.511.865.468	-
Chiết khấu thanh toán trả cho khách hàng	2.816.455.619	1.939.294.105
Chi phí tài chính khác	188.380.108	145.177.983
	93.624.432.622	109.565.765.831

30. Chi phí bán hàng

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	48.716.804.031	39.165.526.786
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.300.681.708	8.069.885.227
Chi phí quảng cáo	4.795.791.238	5.219.217.744
Chi phí vận chuyển hàng xuất khẩu	13.025.317.838	22.032.890.775
Chi phí xuất khẩu	34.848.508.995	35.078.502.813
Chi phí thuê cửa hàng	16.401.363.236	16.224.434.937
Chi phí bán hàng khác	37.055.527.074	32.302.726.816
	159.143.994.120	158.093.185.098

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	111.928.233.922	133.755.868.390
Chi phí khấu hao và phân bổ	12.467.831.138	10.979.236.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.246.648.053	32.826.667.098
Hoàn nhập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(1.008.193.540)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	18.250.116.053	22.937.941.123
	177.892.829.166	199.491.519.211

32. Thu nhập khác

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	774.859.841	506.438.346
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	720.976.182	707.524.213
Thu nhập khác	2.657.148.025	2.340.106.480
	4.152.984.048	3.554.069.039

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.114.874.469.195	2.233.063.546.230
Chi phí nhân viên	961.581.004.795	1.056.951.606.096
Chi phí khấu hao và phân bổ	91.369.011.936	85.745.563.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	787.480.806.839	904.458.970.199
Chi phí khác	70.846.257.768	84.922.973.877

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	123.433.322.777	150.245.539.690
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	24.686.664.555	30.049.107.938
Chi phí không được khấu trừ thuế	313.451.052	335.398.261
Giảm thuế (*)	(4.566.313.208)	(4.071.354.800)
Biến động khác	(214.566.898)	92.450.905
	20.219.235.501	26.405.602.304

(*) Tổng Công ty được hưởng ưu đãi giảm số thuế thu nhập tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

(b) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2023 (Số cổ phiếu)	2022 (Số cổ phiếu)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước	30.239.756	30.239.756
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu mới (Thuyết minh 22)	434.671	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	30.674.427	30.239.756

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2023	2022 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	103.214.087.276	123.839.937.386
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	(16.474.000.000)	(24.998.065.101)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	86.740.087.276	98.841.872.285
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (số cổ phiếu)	30.674.427	30.239.756
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.828	3.269

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 16.474 triệu VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

(c) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tại cuộc họp ngày 15 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022. Theo đó, Tổng công ty đã phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế với số tiền là 24.998.065.101 VND. Vì vậy, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi.

Bảng so sánh lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

	Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông VND	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	104.828.647.734	30.239.756	3.467
Ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.986.775.449)	-	(198)
Số điều chỉnh lại	98.841.872.285	30.239.756	3.269

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023	2022
	VND	VND
Công ty liên quan khác		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Mua dịch vụ	129.600.000	129.600.000
Bán hàng hóa	9.422.409.628	12.357.763.284
Chia cổ tức	18.409.316.400	10.227.398.000

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	2023	2022
	VND	VND
Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	1.415.000.000	1.305.000.000
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.922.968.395	1.826.641.905
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	8.255.656.770	7.973.342.230
Thành viên Ban kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	646.325.650	557.338.250

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2023	2022
	VND	VND
Chuyển khoản phải trả công nhân viên thành khoản vay	748.000.000	556.000.000

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thanh Bình
Kế toán trưởng



Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc

**TỔNG
CÔNG TY
MAY 10 -
CÔNG TY
CỔ PHẦN**

Digitally signed by TỔNG CÔNG
TY MAY 10 - CÔNG TY CỔ PHẦN
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Long
Biên, CN=TỔNG CÔNG TY MAY
10 - CÔNG TY CỔ PHẦN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0100101308
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location
here
Date: 2024-03-29 14:46:10
Foxit PhantomPDF Version: 9.7.0

